SAO Y; SỞ TƯ PHÁP; Thời gian ký: 2026-08-20T13:38:51+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /2026/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 44/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2019/NĐ-CP của Chính phủ về tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 937/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 317/BC-BDT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XVII, Kỳ họp thứ 4 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Hoàng Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 24/2026/NQ-HĐND ngày 11 / 8 /2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân, chủ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp tham gia hoạt động phát triển sản xuất dược liệu theo quy định của Nghị quyết này.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Các hoạt động phát triển sản xuất dược liệu phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật, điều kiện thực tiễn của từng vùng, từng địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất dược liệu áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, trên cơ sở đề xuất của các địa phương, các sở, ngành chức năng có trách nhiệm tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện, thông qua dự án, phương án sản xuất. Áp dụng phương thức hỗ trợ sau đầu tư, theo khối lượng công việc hoàn thành được cơ quan chức năng nghiệm thu, xác nhận kết quả thực hiện theo quy định.

4. Loại cây dược liệu của dự án, phương án được hưởng chính sách hỗ trợ tại Quy định này phải thuộc Danh mục loài cây dược liệu khuyến khích, hỗ trợ phát triển do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

5. Đối tượng được hỗ trợ khi tham gia dự án, phương án phát triển sản xuất dược liệu được lựa chọn đề xuất hưởng một hoặc một số nội dung hỗ trợ tại Quy định này phù hợp với mục tiêu của dự án, phương án sản xuất để xây dựng hình thành liên kết vùng nguyên liệu dược liệu với cơ sở bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

6. Mỗi nội dung hỗ trợ quy định tại Quy định này chỉ hỗ trợ một lần cho một đối tượng thụ hưởng.

7. Trường hợp nội dung hỗ trợ trong Quy định này có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ phù hợp.

8. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân liên kết thành tổ hợp tác tham gia vào dự án, phương án phát triển sản xuất dược liệu theo quy định tại Nghị quyết này thì phải được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.

9. Đối tượng được hỗ trợ vi phạm cam kết duy trì nội dung được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 5, điểm e khoản 2 Điều 9 và điểm e khoản 2 Điều 10 phải hoàn trả 100% kinh phí đã được hỗ trợ vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp nội dung được hỗ trợ bị thiệt hại, hư hỏng từ 70% trở lên do thiên tai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản thuộc nội dung được hỗ trợ trong thời gian cam kết, việc chuyển nhượng chỉ được thực hiện khi bên nhận chuyển nhượng có văn bản cam kết tiếp tục sử dụng tài sản đúng mục đích và kế thừa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bên được hỗ trợ trong thời gian còn lại của thời hạn cam kết.

10. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

11. Các nội dung hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo các cơ chế, chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh Lào Cai để cụ thể hoá và triển khai toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 03/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển dược liệu chiến lược tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn ngân sách tỉnh.

2. Nguồn vốn của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II
NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 4. Hỗ trợ sản xuất giống dược liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân sản xuất giống dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án sản xuất giống dược liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án (áp dụng đối với tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân) sản xuất giống dược liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Quy mô diện tích sản xuất giống dược liệu từ 0,2 ha trở lên, yêu cầu diện tích đất sản xuất giống phải liền thửa, tiếp giáp trực tiếp với nhau tạo thành khu vực sản xuất tập trung.

c) Cam kết duy trì sử dụng cơ sở hạ tầng được hỗ trợ đúng mục đích theo dự án/phương án được phê duyệt tối thiểu 03 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần không quá 50% tổng mức đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng (nhà lưới, nhà kính, kho bảo quản, hệ thống tưới) và mua mới thiết bị phục vụ sản xuất giống (hệ thống giá kệ, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thiết bị theo dõi điều kiện bảo quản và các thiết bị chuyên dụng khác). Mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 5. Hỗ trợ trồng dược liệu tập trung

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân phát triển vùng nguyên liệu dược liệu tập trung.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án trồng dược liệu tập trung, được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án (áp dụng đối với tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân) trồng dược liệu tập trung được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Quy mô diện tích vùng nguyên liệu của dự án, phương án:

Đối với nhóm dược liệu quý, hiếm đạt từ 0,5 ha trở lên, trong đó quy mô của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt từ 0,03 ha trở lên hoặc tổ hợp tác tham gia dự án, phương án đạt từ 0,1 ha trở lên (yêu cầu diện tích sản xuất phải liền thửa, tiếp giáp trực tiếp với nhau tạo thành khu vực sản xuất tập trung).

Đối với nhóm dược liệu thông thường đạt từ 2 ha trở lên, trong đó quy mô của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt từ 0,2 ha trở lên hoặc tổ

hợp tác tham gia dự án, phương án đạt từ 0,5 ha trở lên (yêu cầu diện tích sản xuất phải liền thửa, tiếp giáp trực tiếp với nhau tạo thành khu vực sản xuất tập trung).

c) Cam kết duy trì sử dụng cơ sở hạ tầng (gồm: hệ thống tưới, thiết bị cảm biến môi trường, nhà kính, nhà lưới) được hỗ trợ đúng mục đích theo dự án/phương án được phê duyệt tối thiểu 03 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối với nhóm dược liệu quý, hiếm: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, vôi bột, chế phẩm sinh học, phân hữu cơ, hệ thống tưới, thiết bị cảm biến môi trường, nhà kính, nhà lưới cho diện tích trồng mới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/ha.

b) Đối với nhóm dược liệu thông thường: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, vôi bột, chế phẩm sinh học, phân hữu cơ, hệ thống tưới, thiết bị cảm biến môi trường cho diện tích trồng mới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/ha.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển dược liệu trong rừng

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Đối với hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu: Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.

b) Đối với hỗ trợ trồng mới dược liệu: Chủ rừng theo điểm a khoản 1 Điều này; tổ hợp tác; tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để phát triển dược liệu.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia;

b) Đối với hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu:

Tuân thủ quy định về nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất tại các Điều 32a, 32b, 32c, 32d, 32đ, 32e Mục 4a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 183/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Quy mô Phương án từ 05 ha trở lên đối với chủ rừng là tổ chức theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; từ 02 ha trở lên đối với chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc liên kết thành tổ hợp tác để xây dựng Phương án.

Phương án sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phải có tối thiểu 10% diện tích được tổ chức triển khai thực hiện phát triển dược liệu trong rừng.

c) Đối với hỗ trợ trồng mới dược liệu trong rừng:

Có dự án trồng mới dược liệu trong rừng, được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng hưởng hỗ trợ

trong phương án trồng mới dược liệu của địa phương (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư).

Quy mô diện tích vùng nguyên liệu của dự án, phương án sản xuất dược liệu quý, hiếm đạt từ 0,5 ha trở lên, trong đó quy mô của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt từ 0,05 ha trở lên hoặc cộng đồng dân cư, tổ hợp tác tham gia dự án, phương án đạt từ 0,2 ha trở lên.

Quy mô diện tích vùng nguyên liệu của dự án, phương án sản xuất dược liệu thông thường đạt từ 02 ha trở lên, trong đó quy mô của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt từ 0,3 ha trở lên hoặc cộng đồng dân cư, tổ hợp tác tham gia dự án, phương án đạt từ 01 ha trở lên.

Trường hợp đối tượng tham gia là tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thì phải có hợp đồng thuê môi trường rừng với chủ rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng: Hỗ trợ một lần không quá 400.000 đồng/ha để lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Phương án.

b) Hỗ trợ trồng mới dược liệu trong rừng:

Đối với nhóm dược liệu quý, hiếm: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, vôi bột, chế phẩm sinh học, phân hữu cơ, hệ thống tưới, thiết bị cảm biến môi trường cho diện tích trồng mới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/ha.

Đối với nhóm dược liệu thông thường: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, vôi bột, chế phẩm sinh học, phân hữu cơ, hệ thống tưới, thiết bị cảm biến môi trường cho diện tích trồng mới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/ha.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 7. Hỗ trợ vùng nguyên liệu dược liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu của Việt Nam (GACP Việt Nam) hoặc GACP – WHO (sau đây gọi tắt là đạt tiêu chuẩn GACP)

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân sản xuất dược liệu có vùng nguyên liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án xây dựng vùng nguyên liệu dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã); hoặc thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án (áp dụng đối với tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân) xây dựng vùng nguyên liệu dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Vùng nguyên liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP.

c) Quy mô vùng nguyên liệu: Đối với nhóm dược liệu quý, hiếm đạt từ 0,5 ha trở lên; đối với nhóm dược liệu thông thường đạt từ 02 ha trở lên. Trường hợp diện tích vùng nguyên liệu trồng không tập trung (trồng phân tán, trồng xen) thì

quy mô vùng nguyên liệu được xác định trên cơ sở diện tích quy đổi tương đương diện tích trồng tập trung theo mật độ quy định tại định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn GACP. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án, phương án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 8. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng dược liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân xây dựng vùng trồng nguyên liệu dược liệu đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án xây dựng vùng trồng dược liệu đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã); hoặc thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án (áp dụng đối với tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân) xây dựng vùng trồng dược liệu đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Quy mô vùng nguyên liệu: Đối với nhóm dược liệu quý, hiếm đạt từ 0,5 ha trở lên; đối với nhóm dược liệu thông thường đạt từ 02 ha trở lên. Trường hợp diện tích vùng nguyên liệu trồng không tập trung (trồng phân tán, trồng xen) thì quy mô vùng nguyên liệu được xác định trên cơ sở diện tích quy đổi tương đương diện tích trồng tập trung theo mật độ quy định tại định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê tư vấn, đánh giá, phân tích mẫu đất, mẫu nước, chất lượng sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/mã số vùng trồng.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản dược liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động bảo quản dược liệu.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu, được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án.

b) Có hợp đồng thu mua nguyên liệu dược liệu ổn định (ít nhất 36 tháng, tính từ thời điểm cơ sở bảo quản dược liệu đi vào hoạt động) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai hoặc có minh chứng vùng nguyên liệu tự sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, phù hợp với công suất thiết kế của cơ sở bảo quản.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đối với cơ sở bảo quản dược liệu:

Đối với cơ sở có hoạt động bảo quản dược liệu sử dụng làm thuốc hoặc nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả trường hợp thuộc diện cấp hoặc không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược với phạm vi bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc) phải đáp ứng, duy trì đáp ứng Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GSP) theo quy định của pháp luật về dược.

Trường hợp cơ sở có hoạt động bảo quản dược liệu để sử dụng cho mục đích sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm hoặc sản phẩm khác thì cơ sở phải đáp ứng điều kiện về bảo quản theo pháp luật chuyên ngành tương ứng về an toàn thực phẩm, mỹ phẩm và pháp luật khác có liên quan.

d) Máy móc, dây chuyền, thiết bị được hỗ trợ có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

đ) Diện tích kho bảo quản có diện tích tối thiểu 200m^2 và thể tích tối thiểu 600m^3.

e) Cam kết duy trì sử dụng máy móc, dây chuyền, thiết bị được hỗ trợ theo đúng mục đích của dự án được phê duyệt tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa 50% chi phí đầu tư mua mới máy móc, dây chuyền, thiết bị phục vụ bảo quản dược liệu (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học). Mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến dược liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động chế biến dược liệu.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến dược liệu, được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án.

b) Có hợp đồng thu mua nguyên liệu dược liệu ổn định (ít nhất 36 tháng, tính từ thời điểm cơ sở chế biến dược liệu đi vào hoạt động) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai hoặc có minh chứng vùng nguyên liệu tự sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, phù hợp với công suất thiết kế của cơ sở chế biến.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đối với cơ sở chế biến dược liệu:

Đối với các cơ sở có hoạt động chế biến dược liệu sử dụng làm thuốc hoặc nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả trường hợp thuộc diện cấp hoặc không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược với phạm vi sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc) phải đáp ứng, duy trì đáp ứng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GMP) theo quy định của pháp luật về dược.

Trường hợp cơ sở có hoạt động chế biến dược liệu để sử dụng cho mục đích sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm hoặc sản phẩm khác thì phải đáp ứng các điều kiện về hoạt động chế biến theo pháp luật chuyên ngành tương ứng về an toàn thực phẩm, mỹ phẩm và pháp luật khác có liên quan.

d) Cơ sở chế biến dược liệu có công suất thiết kế tối thiểu từ 03 tấn nguyên liệu/ngày trở lên.

đ) Máy móc, dây chuyền, thiết bị được hỗ trợ có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

e) Cam kết duy trì sử dụng máy móc, dây chuyền, thiết bị được hỗ trợ theo đúng mục đích của dự án được phê duyệt tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí đầu tư mua mới máy móc, dây chuyền, thiết bị phục vụ chế biến dược liệu. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 11. Hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách hàng năm

Hỗ trợ tối đa 5% tổng kinh phí được giao hàng năm thực hiện các nội dung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất dược liệu quy định tại Nghị quyết này đối với cấp xã để thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị hiện hành của tỉnh và quy chế chi tiêu nội bộ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.